

TOÁN CƠ BẢN, NÂNG CAO LỚP 6
SỐ THẬP PHÂN VÀ CÁC PHÉP TOÁN VỚI SỐ THẬP PHÂN
Liên hệ đăng kí học: 0832.64.64.64

Họ và tên:Ngày học:

A. Lí thuyết

1. Phân số thập phân, số thập phân

* Phân số thập phân là phân số mà mẫu là lũy thừa của 10 và tử là số nguyên:

* Phân số thập phân có thể viết được dưới dạng số thập phân và ngược lại.

VD.

	dương			âm		
Phân số thập phân	$\frac{17}{10}$	$\frac{34}{100}$	$\frac{25}{1000}$	$\frac{-335}{100}$	$\frac{-125}{1000}$	$\frac{-279}{10000}$
Số thập phân	1,7	0,34	0,025	-3,35	-0,125	-0,0279

* Số thập phân gồm hai phần:

- Phần số nguyên được viết bên trái dấu phẩy.

- Phần thập phân được viết bên phải dấu phẩy.

VD.

Số 1,234 là số thập phân dương có phần nguyên là 1 và phần thập phân là 234 .

Số - 65,4798 là số thập phân âm có phần nguyên là 65 và phần thập phân là 4798.

Chú ý:

+ Số đối của số thập phân A là -A

Câu 1.

a) Viết các phân số thập phân sau đây dưới dạng số thập phân và viết số đối của số thập phân đó:

$$\frac{39}{100}; \frac{-3417}{1000}; \frac{-254}{10}; \frac{-999}{10}$$

b) Viết các số thập phân sau đây dưới dạng phân số thập phân:

$$3; 3,5; -0,07; -6,053; -8,001; 9,01.$$

2. So sánh hai số thập phân

a. So sánh hai số thập phân

- Số thập phân lớn hơn 0 gọi là số thập phân dương.

- Số thập phân nhỏ hơn 0 gọi là số thập phân âm.

- Số thập phân âm nhỏ hơn 0 và nhỏ hơn số thập phân dương.

- Nếu $a < b$ và $b < c$ thì $a < c$.

Bước 3. Đếm xem trong phần thập phân của cả hai thừa số có bao nhiêu chữ số rồi dùng dấu “,” tách ở tích ra bấy nhiêu chữ số kể từ phải sang trái, ta nhận được tích cần tìm.

Câu 10. Đặt tính để tính $5,285 \cdot 7,21$

c. Chia hai số thập phân: Thực hiện như phép chia hai số nguyên và quy tắc dấu “,”:

Muốn chia hai số thập phân dương có nhiều chữ số thập phân, ta làm như sau:

- Đếm xem có bao nhiêu chữ số ở phần thập phân của số chia thì chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải bấy nhiêu chữ số.

Chú ý : Khi chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang phải mà không đủ chữ số, ta thấy thiếu bao nhiêu chữ số thì thêm vào đó bấy nhiêu số chữ số 0 .

- Bỏ dấu phẩy ở số chia rồi thực hiện phép chia như chia số thập phân cho số tự nhiên.

Câu 11. Tính nhanh giá trị biểu thức:

a) $(-2,3 + 3,5 + 6,3) \cdot 2$;

b) $(-4,44 + 60 - 5,56) : (-1,2 - 0,8)$

Cô Trần Thu Trang

TOÁN CƠ BẢN, NÂNG CAO LỚP 6
NHÂN CHIA PHÂN SỐ (tiếp)
Liên hệ đăng kí học: 0832.64.64.64

Họ và tên:Ngày học:

Dạng 1: Làm tính nhân, rút gọn biểu thức

Dạng 2: Tìm x

Câu 1. Tìm x, biết:

a) $x - \frac{1}{5} = \frac{7}{11} \cdot \frac{3}{21}$; b) $\frac{x}{25} = \frac{-3}{15} \cdot \frac{7}{6}$; c) $x + \frac{7}{5} = \frac{9}{8} \cdot \frac{4}{27}$; d) $x : \frac{5}{11} = \frac{-4}{12} \cdot 6$

Dạng 3: Bài toán có lời văn

Câu 2. Một bể đang chứa lượng nước bằng $\frac{3}{4}$ dung tích bể. Người ta mở một vòi nước chảy vào bể, mỗi giờ chảy được $\frac{1}{8}$ bể. Hỏi sau đó bao lâu thì bể đầy nước?

Câu 3. Quãng đường AB dài $\frac{1136}{15}$ km. Người thứ nhất đi xe đạp từ A, đi về hướng B. Cùng thời điểm, người thứ hai đi xe máy xuất phát từ B đi đến A để gặp người thứ nhất. Sau $\frac{8}{3}$ h, hai người gặp nhau. Biết tốc độ trung bình của người thứ nhất là $\frac{142}{15}$ km/h. Hỏi người thứ hai đi từ B đến A trong bao lâu?

Dạng 4: Rút gọn tích các phân số quy luật

Câu 7. Tính

a) $A = \frac{1^2}{1.2} \cdot \frac{2^2}{2.3} \cdot \frac{3^2}{3.4} \dots \frac{10^2}{10.11}$ b) $B = \frac{2^2}{1.3} \cdot \frac{3^2}{2.4} \cdot \frac{4^2}{3.5} \dots \frac{20^2}{19.21}$

Câu 8. Tính: $A = \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3}\right) \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{5}\right) \cdot \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{7}\right) \dots \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{99}\right)$.

Câu 9. Tính $B = \left(1 - \frac{1}{5}\right) \cdot \left(1 - \frac{1}{6}\right) \dots \left(1 - \frac{1}{100}\right)$.

Thầy Nguyễn Văn Hưng